

THỊ TRƯỜNG RAU HOA QUẢ

- ▶ *Hoa Kỳ cấp phép nhập khẩu ổi tươi từ thị trường Đài Loan.*
- ▶ *Châu Á trở thành thị trường xuất khẩu trái cây lớn thứ hai của Chi-lê.*
- ▶ *Thị phần quả chuối Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Nga tăng.*
- ▶ *Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam trong 10 tháng năm 2019 ước đạt 3,06 tỷ USD, giảm 6% so với cùng kỳ năm 2018.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ▶ **Hoa Kỳ - Đài Loan:** Ngày 17/10/2019, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đã cấp phép nhập khẩu ổi tươi từ thị trường Đài Loan.

Theo thỏa thuận, các vườn cây cung cấp ổi phải được chứng nhận và đăng ký bởi hội đồng, và yêu cầu đặt túi gấp đôi trên quả ổi ba tuần sau khi nở hoa. Phải kiểm tra các trang trại ổi 30 ngày trước khi thu hoạch và đảm bảo rằng quy trình kiểm tra được ghi lại.

Cơ quan chức năng Hoa Kỳ cũng liệt kê dư lượng tối đa cho phép của thuốc trừ sâu, yêu cầu đóng gói và giao hàng, và các tiêu chuẩn kiểm dịch ngăn chặn ruồi giấm.

- ▶ **Chi-lê:** Theo báo cáo từ Hiệp hội các nhà xuất khẩu trái cây của Chi-lê AG (ASOEX), trong mùa vụ 2018 - 2019 (từ ngày 1 tháng 9 năm 2018 đến ngày 31 tháng 8 năm 2019), xuất khẩu trái cây tươi của Chi-lê đạt 2,7 triệu tấn, giảm 2% so với mùa vụ trước. Theo chủ tịch của ASOEX, mức giảm này là do xuất khẩu nho giảm 10,6%; táo giảm 8,7%; kiwi giảm 7,2% và quýt Clementines giảm 19,9%.

Bắc Mỹ (bao gồm Hoa Kỳ và Ca-na-đa) là thị trường xuất khẩu trái cây lớn nhất của

Chi-lê, đạt 916,1 nghìn tấn, tăng 1,7% so với mùa vụ 2017 - 2018. Tiếp theo là châu Á đạt 676,1 nghìn tấn, tăng 7,9%, trong đó xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc tăng 16%. Xuất khẩu trái cây của Chi-lê sang châu Âu đạt 552,5 nghìn tấn, giảm 16,1%; Khu vực Mỹ La-tinh đạt 496,87 nghìn tấn, giảm 1,6%; Trung Đông đạt 83 nghìn tấn, giảm 6,9%.

Trong mùa vụ 2017 - 2018, châu Âu là thị trường xuất khẩu trái cây lớn thứ hai của Chi-lê. Tuy nhiên, sang tới mùa vụ 2018 - 2019, châu Á vượt lên trở thành thị trường xuất khẩu trái cây lớn thứ hai của Chi-lê, chủ yếu do xuất khẩu sang Trung Quốc tăng mạnh.

Táo, nho, anh đào, kiwi là bốn loại trái cây xuất khẩu với khối lượng lớn nhất trong mùa vụ năm 2018 - 2019 của Chi-lê. Trong đó táo là loại trái cây dẫn đầu với khối lượng đạt 707.382 tấn, nho đạt 653.877 tấn, anh đào đạt 179.928 tấn, kiwi đạt 163.723 tấn.

Bên cạnh đó, các loại trái cây có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao so với mùa vụ năm 2017-2018 như: Quýt tăng 87%, mận tăng 28,8%, cam tăng 13,8%, chanh tăng 12,8%, bơ tăng 11,2%.

Chi-lê xuất khẩu nho, quýt, quả việt quất, cam, chanh và quýt clementines, đào và lựu chủ yếu tới Hoa Kỳ. Trong khi đó, xuất khẩu sang châu Âu kiwi, bơ và lê. Xuất

khẩu sang thị trường châu Á các loại quả như anh đào, mận và xuân đào. Mỹ La-tinh là thị trường xuất khẩu chủ yếu táo của Chi-lê.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

Theo ước tính, xuất khẩu hàng rau quả trong tháng 10/2019 đạt 250 triệu USD, giảm 8,1% so với tháng trước, giảm 14,2% so với cùng kỳ năm 2018. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 10/2019, xuất khẩu hàng rau quả ước đạt 3,06 tỷ USD, giảm 6% so với cùng kỳ năm 2018.

Mặt hàng xuất khẩu chính: Trong cơ cấu mặt hàng rau quả xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2019, mặt hàng quả và quả hạch là mặt hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng cao, nhưng trị giá xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó có các loại quả xuất khẩu chính như: Thanh long, sầu riêng, dưa, dưa hấu...

+ Thanh long là loại quả chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu mặt hàng quả và quả hạch xuất khẩu, trị giá xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm đạt 965,8 triệu USD, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm 2018. Quả thanh long xuất khẩu chủ yếu tới một số thị trường chính như: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Thái Lan, Hồng Kông... Tỷ trọng xuất khẩu thanh long sang thị trường Trung Quốc chiếm tới 92,1% tổng trị giá xuất khẩu thanh long, đạt 889,7 triệu USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2018. Tiếp theo là thị trường Hoa Kỳ đạt 25,6 triệu USD, giảm 22,2% so với cùng kỳ năm 2018.

+ Trong cơ cấu mặt hàng quả và quả hạch xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2019

đáng chú ý là mặt hàng chuối đạt 132,9 triệu USD, tăng 65,2% so với cùng kỳ năm 2018. Tỷ trọng xuất khẩu đạt 6,3%, tăng 2,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2018. Quả chuối xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2019 đạt 121,8 triệu USD, tăng 68,2% so với cùng kỳ năm 2018. Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt 3,59 triệu USD, giảm 5,2%; Ma-lai-xi-a đạt 2,7 triệu USD, tăng 486,6%...

Đáng chú ý, sản phẩm chế biến là mặt hàng xuất khẩu lớn thứ hai trong cơ cấu mặt hàng rau quả xuất khẩu và có trị giá xuất khẩu tăng mạnh trong 9 tháng đầu năm 2019. Trong đó, chanh leo chế biến là mặt hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng cao và có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất, đạt 57,5 triệu USD, tăng 148,6% so với cùng kỳ năm 2018. Chanh leo chế biến xuất khẩu chủ yếu tới một số thị trường chính như: Trung Quốc, Hà Lan, Hoa Kỳ, Đài Loan... Trên thị trường thế giới hiện nay, chanh leo là một trong những loại trái cây có nhu cầu cao. Nhu cầu đối với chanh leo tươi là hàng trăm nghìn tấn quả/năm; với nước ép chanh leo cô đặc khoảng trên 30.000 tấn/năm. Do đó, tiềm năng xuất khẩu chanh leo của Việt Nam là rất lớn. Ngoài mặt hàng chanh leo chế biến, các mặt hàng khác cũng có tốc độ tăng trưởng cao trong 9 tháng đầu năm 2019 như: Hạnh nhân, hạt dẻ cười, hạt mè, xoài...

Mặt hàng rau quả xuất khẩu chính trong tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2019

Mặt hàng	Tháng 9/2019 (nghìn USD)	So với tháng 9/2018 (%)	9 tháng năm 2019 (nghìn USD)	So với 9 tháng năm 2018 (%)	Tỷ trọng 9 tháng (%)	
					Năm 2019	Năm 2018
Quả và quả hạch	191.601	-5,7	2.111.617	-4,6	100,0	100,0
<i>Thanh long</i>	109.784	4,3	965.801	2,1	45,7	42,7
<i>Sầu riêng</i>	29.913	42,0	214.336	-15,5	10,2	11,5
<i>Chuối</i>	12.687	57,3	132.955	65,2	6,3	3,6
<i>Dừa</i>	7.724	-11,5	57.895	-31,8	2,7	3,8
<i>Xoài</i>	7.387	36,8	156.579	9,7	7,4	6,4
<i>Hạnh nhân</i>	3.557	-0,2	38.409	44,3	1,8	1,2
<i>Nhãn</i>	3.485	-88,8	102.046	-49,0	4,8	9,0
<i>Chanh</i>	3.074	-1,9	32.044	-16,2	1,5	1,7
<i>Mít</i>	2.091	33,6	60.258	64,2	2,9	1,7
<i>Óc chó</i>	2.089	2122,6	9.435	1359,8	0,4	0,0
<i>Loại khác</i>	9.810	-35,4	341.859	-15,3	16,2	18,2
Sản phẩm chế biến	52.072	37,2	457.222	28,0	100,0	100,0
<i>Chanh leo</i>	6.341	148,3	57.508	148,6	12,6	6,5
<i>Hạnh nhân</i>	3.242	18,2	30.565	68,1	6,7	5,1
<i>Cơm dừa</i>	2.826	-35,6	36.779	-37,8	8,0	16,6
<i>Hạt dẻ cười</i>	2.651	3978,5	11.108	2.900,6	2,4	0,1
<i>Hạt mè</i>	2.331	13,7	24.349	36,5	5,3	5,0
<i>Xoài</i>	1.773	545,0	21.424	112,5	4,7	2,8
<i>Dừa</i>	1.703	-11,9	12.999	30,0	2,8	2,8
<i>Dừa chuột</i>	1.557	22,5	15.209	-12,3	3,3	4,9
<i>Dừa chuột</i>	1.450	66,4	19.332	0,7	4,2	5,4
<i>Cà tím</i>	1.379	46,3	14.326	20,0	3,1	3,3
<i>Loại khác</i>	26.819	28,6	213.623	25,7	46,7	47,6
Rau củ	23.864	-41,8	247.027	-35,7	100,0	100,0
<i>Nấm hương</i>	4.070	-70,4	40.413	-50,9	16,4	21,4
<i>Khoai lang</i>	3.326	-53,2	29.481	-45,2	11,9	14,0
<i>Ớt</i>	2.501	-49,1	51.229	-48,0	20,7	25,6
<i>Mộc nhĩ</i>	1.940	-60,1	17.419	-53,1	7,1	9,7
<i>Súp lơ</i>	1.902	228,8	5.686	234,7	2,3	0,4
<i>Loại khác</i>	10.125	3,4	102.799	-7,2	41,6	28,8
Hoa	4.120	8,6	37.140	17,0	100,0	100,0
<i>Cúc</i>	2.871	2,4	27.978	20,0	75,3	73,4
<i>Lan Hồ điệp</i>	361	38,0	3.155	10,4	8,5	9,0
<i>Hoa hồng</i>	228	1667,3	583	2160,6	1,6	0,1
<i>Cát tường</i>	186	245,0	1.264	52,0	3,4	2,6
<i>Hòe</i>	180	-32,3	989	84,0	2,7	1,7
<i>Cẩm chướng</i>	168	-38,7	1.915	-22,3	5,2	7,8
<i>Loại khác</i>	126	3,6	1.256	-26,6	3,4	5,4
Lá	1.499	-25,9	6.977	-43,0	100,0	100,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

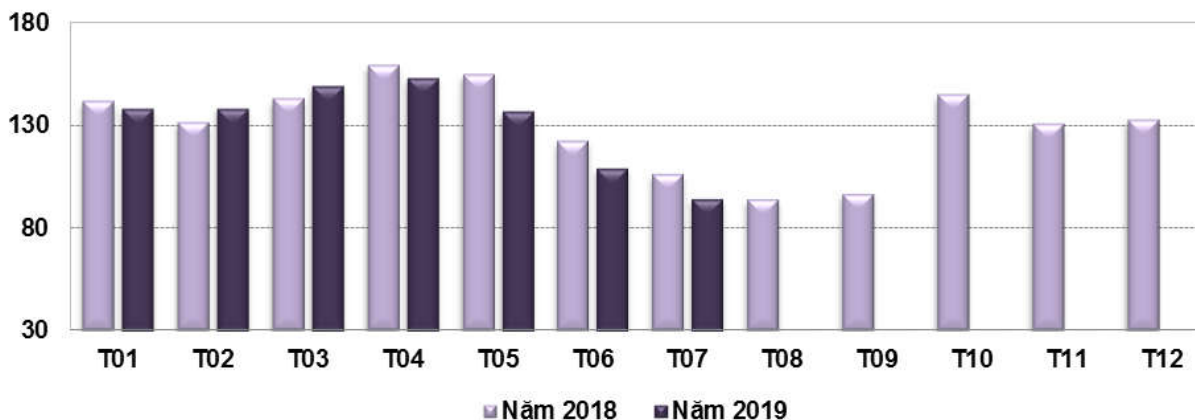
DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU QUẢ CHUỐI (MÃ HS 0803) CỦA NGA 7 THÁNG 2019 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu chủng loại quả chuối của Nga trong 7 tháng đầu năm 2019 đạt 921,3 nghìn tấn, trị giá 681,7 triệu USD, giảm 3,8% về lượng và giảm 4,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018. Giá nhập khẩu bình quân đạt 739,9 USD/tấn, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2018.

Theo thống kê từ worldstopexports.com, Nga là thị trường nhập khẩu chuối lớn thứ ba trên thế giới, sau Hoa Kỳ và Bỉ. Trong

năm 2018, trị giá nhập khẩu chuối của Nga đạt 1,2 tỷ USD, chiếm tới 7,4% tổng nhập khẩu toàn cầu. Nga là thị trường nhập khẩu chuối tăng trưởng nhanh kể từ năm 2014 tới năm 2018, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 20,6%. Theo Bộ Nông nghiệp Nga, chuối là một trong những mặt hàng mà các nước thành viên ASEAN, trong đó có Việt Nam có thể tăng khối lượng xuất khẩu sang thị trường Nga, nhờ việc tận dụng cơ hội từ lệnh cấm vận thực phẩm mà Nga đã đáp trả lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu.

Nga nhập khẩu chủng loại quả chuối (mã HS 0803) các tháng giai đoạn năm 2018 – 2019 (ĐVT: Nghìn tấn)



Nguồn: ITC

Nguồn cung: Trong 7 tháng đầu năm 2019, Nga nhập khẩu chủng loại quả chuối (mã HS 0803) chủ yếu từ thị trường Ê-cu-a-đo đạt 903,7 nghìn tấn, trị giá 667,4 triệu USD, giảm 2,7% về lượng và giảm 3,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018. Tỷ trọng nhập khẩu từ thị trường này chiếm tới 98,1% tổng lượng nhập khẩu của Nga.

Tiếp theo là các thị trường khác như:

Cô-lôm-bi-a, Cô-x'ta Ri-ca, Mê-hi-cô... Trong đó, Nga tăng mạnh nhập khẩu chuối từ thị trường Cô-lôm-bi-a và Việt Nam. Nhập khẩu từ Cô-lôm-bi-a đạt 6,1 nghìn tấn, trị giá 4,7 triệu USD, tăng 196,4% về lượng và tăng 210,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018. Giá nhập khẩu bình quân mặt hàng chuối từ thị trường này đạt 767,3 USD/tấn, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2018. Nhập khẩu chuối từ

Việt Nam đạt 919 tấn, trị giá 1,8 triệu USD, tăng 141,2% về lượng và tăng 152,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018. Giá nhập khẩu bình quân quả chuối từ Việt Nam cao nhất so với các nguồn cung khác, đạt 1.971,5 USD/tấn, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2018. Tỷ trọng nhập khẩu chuối từ Việt Nam tăng 0,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2018. Với dân số đông, thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng, Nga được đánh giá là một thị trường tiềm năng đối với hàng rau quả của Việt Nam. Trong đó, chuối là một trong những loại quả đang có tốc độ tăng trưởng



nhanh sang thị trường này, tuy nhiên tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam vẫn còn quá thấp so nhu cầu nhập khẩu của Nga. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu chuối đẩy mạnh sang thị trường Nga trong thời gian tới.

10 thị trường cung cấp quả chuối (mã HS 0803) cho Nga 7 tháng đầu năm 2019

Thị trường	7 tháng năm 2019			So với 7 tháng năm 2018 (%)			Tỷ trọng theo lượng 7 tháng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Đơn giá (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	Năm 2019	Năm 2018
Tổng	921.394	681.773	739,9	-3,8	-4,7	-0,9	100,0	100,0
Ê-cu-a-đo	903.752	667.414	738,5	-2,7	-3,7	-1,1	98,1	96,9
Cô-lôm-bi-a	6.131	4.704	767,3	196,4	210,3	4,7	0,7	0,2
Cô-x'ta Ri-ca	5.897	4.314	731,6	-48,0	-47,9	0,2	0,6	1,2
Mê-hi-cô	2.313	1.716	742,0	-69,9	-70,0	-0,3	0,3	0,8
Ôn-đu-rát	1.024	748	730,2				0,1	0,0
Goa-tê-ma-la	1.001	732	731,2	-83,6	-83,6	-0,3	0,1	0,6
Việt Nam	919	1.811	1.971,5	141,2	152,9	4,8	0,1	0,0
Phi-líp-pin	275	214	777,6	-80,7	-81,1	-1,7	0,0	0,1
CH. Bô-li-va-ri-a-na Vê-nê-giu-ê-la	47	34	726,1				0,0	0,0
Bra-xin	23	17	730,2				0,0	0,0
Thị trường khác	13	69	5.224,5	-95,0	-67,6	541,5	0,0	0,0

Nguồn: ITC